

**ĐỀ THI HẾT HỌC KÌ I BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO – ĐỀ SỐ 14****MÔN: SINH HỌC – LỚP 10****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh học
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dần trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh học

**I. Trắc nghiệm (6,0 điểm)**

**Câu 1:** Hiện nay, có khoảng 20 loại acid amin đã được phát hiện, chúng có điểm giống nhau về cấu tạo là đều có nhóm

- A. ribose (C<sub>5</sub>H<sub>10</sub>O<sub>5</sub>) và carboxyl (- COOH).
- B. amine (- NH<sub>2</sub>) và acid phosphoric (H<sub>3</sub>PO<sub>4</sub>).
- C. ribose (C<sub>5</sub>H<sub>10</sub>O<sub>5</sub>) và acid phosphoric (H<sub>3</sub>PO<sub>4</sub>).
- D. amin (- NH<sub>2</sub>) và carboxyl (- COOH).

**Câu 2:** Đặc điểm không có ở tế bào nhân sơ là

- A. thành tế bào cấu tạo chủ yếu là chitin.
- B. kích thước nhỏ nên sinh trưởng, sinh sản nhanh.
- C. chưa có hệ thống nội màng, chưa có màng nhân.
- D. bào quan không có màng bao bọc.

**Câu 3:** Ở vi khuẩn, plasmid là ...(1).. nhỏ, có khả năng ...(2).. với ADN ở vùng nhân.

Nội dung thích hợp của (1) và (2) lần lượt là:

- A. ARN/ di truyền độc lập.
- B. ARN/ liên kết.
- C. ADN thẳng/ nhân đôi cùng.
- D. ADN vòng/ nhân đôi độc lập.

**Câu 4:** Công thức chung của carbohydrate là

- A. (CH<sub>2</sub>O)<sub>n</sub>.
- B. [C(HO)<sub>2</sub>]<sub>n</sub>.
- C. (CHON)<sub>n</sub>.
- D. (CHO)<sub>n</sub>.

**Câu 5:** Vận chuyển thụ động các chất qua màng sinh chất là phương thức vận chuyển các chất

- A. từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp, không tốn năng lượng.
- B. từ nơi có nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao và tốn năng lượng.
- C. có kích thước lớn như vi khuẩn, bào quan và tiêu tốn năng lượng.
- D. có kích thước nhỏ qua màng sinh chất đã chết, không tiêu tốn năng lượng.

**Câu 6:** Khi cho tế bào hồng cầu (còn sống) vào nước cất, sau 1 thời gian quan sát tế bào có hiện tượng

- A. trương lên rồi vỡ ra.
- B. co lại rồi vỡ ra.
- C. trương lên rồi co lại.
- D. co nguyên sinh.

**Câu 7:** Ở động vật có vú, tế bào tuyến nước bọt có khả năng tiết ra dịch có chứa thành phần quan trọng là enzyme amylase. Khi quan sát cấu trúc siêu hiển vi của tế bào tuyến nước bọt, bào quan rất phát triển là

- A. lưới nội chất trơn.
- B. lysosome.
- C. ti thể.
- D. lưới nội chất hạt.

**Câu 8:** Phân tử sinh học nào sau đây khác với các phân tử còn lại?

- A. Maltose.
- B. Glucose.
- C. Lactose.
- D. Sucrose.

**Câu 9:** Các cấp tổ chức của thế giới sống đều là những hệ mở vì:

- A. Có khả năng thích nghi với môi trường.
- B. Thường xuyên trao đổi chất với môi trường.
- C. Có khả năng sinh sản để duy trì nòi giống.
- D. Phát triển và tiến hoá không ngừng.

**Câu 10:** Các bào quan nào sau đây chỉ có ở tế bào thực vật mà không có ở tế bào động vật?

- A. Lục lạp, ribosome
- B. Lục lạp, thành tế bào
- C. Thành tế bào, nhân
- D. Ti thể, lục lạp

**Câu 11:** Chất dưới đây không phải lipit là?

- A. Sáp
- B. cellulose
- C. cholesterol
- D. estrogen

**Câu 12:** Trong ẩm thực, quả ớt sừng thường được tía thành hình hoa để trang trí. Ở vỏ quả ớt, mặt trong hút nước hoặc mất nước nhanh và nhiều hơn mặt ngoài. Để các “cánh hoa” của quả ớt nở đẹp (cong ra ngoài), quả ớt sau khi cắt sẽ ngâm vào

- A. nước cất để mặt trong hút nhiều nước hơn mặt ngoài.
- B. môi trường đẳng trương để mặt trong hút nhiều nước hơn mặt ngoài.
- C. nước muối ưu trương để mặt ngoài mất nước nhiều hơn mặt trong.
- D. nước đường ưu trương và lạnh để ớt tươi lâu.

## II. Tự luận (4,0 điểm)

**Câu 1:** Quang hợp có vai trò như thế nào trong tổng hợp các chất và dự trữ năng lượng?

**Câu 2:** Tại sao động vật và người lại dự trữ năng lượng dưới dạng glycogen mà không dự trữ dưới dạng dễ sử dụng là glucose?